

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2023

V/v ly hôn giữa chị D và anh P

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Đàm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Công Văn**

2. Bà **Vương Thị Xuyến**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Tình** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản, công nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vị Thị D** - Sinh năm 2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã SP, huyện TC, tỉnh Điện Biên. (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh **Hầu Mí P** - Sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng Chính sách xã hội**; trụ sở chính: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Dương Quyết Th** - Chức vụ: Tổng giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Đức T** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng CSXH về việc ủy quyền tham gia tụng và thi hành án). *Người được ủy quyền lại:* Bà **Hoàng Thị K** - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 18/7/2023). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông **Mua Mí Cho**; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Vì Thị D trình bày: Chị và bị đơn là anh Hầu Mí P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Gia đình chị tổ chức đám cưới theo phong tục tại nhà gái ở tỉnh Điện Biên vào ngày 20/9/2020, sau đó chị theo anh P về chung sống với gia đình nhà chồng tại xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; đến ngày 03/02/2021, gia đình anh P tổ chức đám cưới theo phong tục tại nhà trai; đến ngày 20/4/2021, hai vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Kể từ khi về chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn một năm. Đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi chị mang thai thì anh P nghi ngờ không phải con anh P, nên cả anh P gia đình bên nội không quan tâm chăm sóc, kể cả lúc chị ốm đau. Sau khi sinh con được khoảng 04 tháng, khoảng đầu tháng 11/2021, vợ chồng bàn nhau cùng đi làm công nhân tại Bắc Ninh, con sẽ đem gửi ông bà ngoại ở tỉnh Điện Biên. Thời gian đó, anh P thường xuyên đánh đập chị nhiều lần. Khoảng tháng 6/2022, cả hai vợ chồng cùng đi làm cho Công ty ở Hải Phòng. Tại Hải Phòng, anh P tiếp tục đánh đập chị nhiều lần. Đến tháng 11/2022 thì chị quay lại làm việc tại Bắc Ninh, còn anh P vẫn tiếp tục làm tại Hải Phòng. Sau khi về ăn Tết nguyên đán năm 2023, chị D tiếp tục đi làm Công ty, còn anh P ở nhà (xã ML). Khoảng 02 tuần sau, anh P có xuống Bắc Ninh, đến chỗ chị làm việc nhưng không ở cùng chị mà ở đâu chị không biết. Anh P có đến chỗ ở trọ của chị 02 lần, bắt chị cùng đi tìm việc cho anh nhưng do đang bận đi làm nên chị không đi tìm việc cùng anh được. Khi anh P làm cho một Công ty cách chỗ chị khoảng 18km, tuy hai vợ chồng không ở cùng nhau nhưng anh P vẫn qua chỗ chị ở và thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Trong suốt quá trình vợ chồng chị đi làm Công ty thì cháu Hầu Chí C được gửi bố mẹ đẻ chị tại Điện Biên. Đến ngày 25/4/2023, anh P lên nhà bố mẹ chị đưa con về Hà Giang, không báo với chị hoặc bố mẹ chị, không ai biết anh P đưa con đi đâu. Ngay trong tối 25/4/2023, chị đi từ chỗ làm việc ở Bắc Ninh lên xã ML để tìm con. Đến sáng 26/4/2023, anh P mới nhắn tin cho bố mẹ chị là đã đón cháu C về Hà Giang rồi. Khoảng 17 giờ ngày 26/4/2023, chị có mặt ở nhà chồng (xã ML) nhưng không thấy anh P và con đâu. Bố mẹ chị cũng đi từ Điện Biên sang Hà Giang để hai bên gia đình nói chuyện, đến tối 27/4/2023 thì cả tôi và bố mẹ tôi đến nhà anh P, tuy nhiên, hai bên gia đình không dàn xếp được mà còn xảy ra cãi nhau; anh chị và bố mẹ anh P đuổi tôi ra khỏi nhà. Kể từ đó tới nay, hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh P có một con chung là cháu Hầu Chí C (sinh ngày 29/6/2021). Sau khi anh P đưa cháu C từ Điện Biên về Hà Giang, không được sự nhất trí của chị thì ngày 19/7/2023, chị đã đón cháu C từ Hà Giang về ở cùng chị tại Điện Biên. Hiện cháu C còn quá nhỏ và đang ở

cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hầu Chí C; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ 50.000.000 đồng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội mà anh P cho là công nợ chung thì chị không nhất trí. Chị không hề biết gì về khoản vay này, chị cũng không được ký bất kỳ văn bản gì liên quan đến món nợ nêu trên và chị không đồng ý cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này với anh P.

Tại Văn bản trình ý kiến ngày 23/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hầu Mí P trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới và việc thực hiện đăng ký kết hôn; nhất trí về quá trình vợ chồng đi làm cho các Công ty ở Bắc Ninh và Hải Phòng. Tuy nhiên, anh P không nhất trí với ý kiến chị D về nguyên nhân mâu thuẫn. Anh cho rằng anh vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh không đánh đập chị D nhiều như chị trình bày. Chỉ có 01 lần anh tát chị D 02 phát vì chị D đi chơi tối không về. Ngoài ra, khi còn làm ở Hải Phòng thì đã có lần chị D cầm dao ghè vào chân anh làm chảy máu. Việc chị D khởi kiện xin ly hôn anh chưa biết nguyên nhân từ đâu, chỉ biết quá trình vợ chồng cùng đi làm công ty tại Bắc Ninh được một tháng thì chị D chuyển đi làm chỗ khác. Sau đó anh đón chị D đi cùng nhau đi làm tại Hải Phòng được hai tháng, chị D chuyển xuống Bắc Ninh. Sau khi ăn Tết xong chị D đưa con lên cho ông bà ngoại trông rồi tiếp tục đi làm công ty tại Bắc Ninh. Từ lúc đó chị D chặn số điện thoại, zalo, facebook của anh. Anh lên nhà báo bố mẹ gọi chị D về, chị D bảo anh về làm hồ sơ tiếp tục đi làm Công ty, nhưng sau khi anh làm hồ sơ xong thì không gọi được cho chị D nên anh lên đón con về xã ML, huyện Đ. Sau đó, chị D cùng bố mẹ chị D lên nhà anh tại ML, huyện Đ thu dọn đồ đạc, tư trang cá nhân và mang chiếc xe máy của anh mang biển kiểm soát 23N1 - 108.97 mang tên đăng ký Hồ Mí P. Còn việc anh chị và bố mẹ cãi nhau với bố mẹ chị D, đuổi chị D ra khỏi nhà vào ngày 27/4/2023 anh chỉ được nghe nói lại do lúc đó anh không có nhà. Kể từ đó, chị D không quay lại sống cùng anh mà mỗi người sống một nơi. Anh không nhất trí ly hôn với chị D mà muốn hai vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có một con chung là cháu Hầu Chí C (sinh ngày 29/6/2021). Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hầu Chí C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn phản tố đề ngày 17/7/2023, anh có đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị D phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà anh đã vay, đưa cho bố mẹ để làm đám cưới tại nhà trai cho vợ chồng anh. Nay chị D trình bày là không biết gì về khoản vay và cho rằng không được ký vào hồ sơ vay vốn nên ngày 10/8/2023 anh đã có ý kiến sẽ tự mình chịu trách nhiệm trả số tiền đã vay. Tuy nhiên, anh yêu cầu chị D phải cùng anh có trách nhiệm sửa chữa chiếc xe máy biển kiểm soát: 23B1 – 027.76,

nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, xe đứng tên đăng ký của anh trai là Hậu Mí D1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Lý do: vào tháng 11/2022, vợ chồng anh mượn xe của anh D1 sang để đón con, trên đường đi bị xe máy khác đâm vào, làm xe bị vỡ nắp bảo vệ ống bô, yếm vỡ, đèn pha bị vỡ kính ngoài, bóng vẫn còn sáng, cong giảm sóc, đến nay chưa được sửa chữa. Ngoài ra, anh yêu cầu bố mẹ chị D trả cho anh trai là Hậu Mí Gi, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang số tiền sinh lễ là 33.000.000 đồng trước khi Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, anh giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2023.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2023, trưởng thôn LS, xã ML, huyện Đ xác nhận: Chị Vì Thị D và anh Hậu Mí P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức đám cưới năm 2020 và thực hiện đăng ý kết hôn năm 2021 tại UBND xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Về con chung: Anh P và chị D có một con chung là cháu Hậu Chí C, trước đây cháu C ở cùng với bố là anh P tại thôn LS, xã ML, huyện Đ, đến khoảng cuối tháng 7/2023 thì nghe tin chị D đưa cháu C về Điện Biên quê bố mẹ để chị D hay đi đâu thì không rõ. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống tại địa phương, không thấy vợ chồng anh P và chị D xảy ra cãi cọ hay mâu thuẫn gì. Sau tết Nguyên đán, chị D đem theo con về cho nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Điện Biên nhờ bố mẹ trông hộ, còn chị D đi làm công ty. Sau khi anh P xuống tìm chị D nhưng không tìm được chị D nên anh P lên Điện Biên đón cháu C về ML sinh sống. Thời gian sau D và bố mẹ đẻ của D có xuống để tìm gặp P và cháu C nhưng anh P không cho chị D và bố mẹ D gặp cháu C nên D chị làm đơn xin ly hôn. Về tài sản: Anh P và chị D chưa có tài sản gì, hiện hai vợ chồng vẫn ở cùng với bố mẹ P tại thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Về nợ chung: Trước khi tổ chức đám cưới cho anh P và chị D, gia đình bố mẹ anh P có đi vay tiền anh em làng xóm để tổ chức, sau khi tổ chức cưới xong thì anh P có đứng ra vay số tiền 50.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ để trả cho anh em họ hàng.

Ngày 29/8/2023, anh trai của anh Hậu Mí P là anh Hậu Mí D1 có đơn yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh P, chị D phải có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000 đồng để sửa chữa xe. Sau khi được giải thích về việc yêu cầu của anh đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh D1 đã rút đơn yêu cầu để khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Ngày 30/8/2023, anh Hậu Mí Gi, anh trai của anh Hậu Mí P, có đơn yêu cầu gia đình bố mẹ chị D trả lại số tiền sinh lễ là 33.000.000 đồng anh đã chuyển khoản cho bố mẹ bên gia đình chị D. Qua xem xét đơn yêu cầu, nhận thấy đối tượng khởi kiện của anh Gi là bố mẹ chị D, do đó không liên quan đến vụ án này, Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu và thông báo cho anh Già theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho đương sự đầy đủ; ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng như đã nêu tại Quyết định đưa vụ án xét xử; Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa điều hành trình tự, thủ tục tranh tụng đúng quy định từ Điều 249 đến Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 227 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Vì Thị D ly hôn với anh Hầu Mí P. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hầu Chí C (sinh ngày 29/6/2021) cho chị Vì Thị Dính trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 19/9/2023 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về công nợ: Xác định khoản nợ 50.000.000 đồng đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, chị D không thừa nhận là nợ chung, anh P đã nhận sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự để buộc anh P trả toàn bộ khoản tiền 50.000.000 đồng cùng lãi suất kèm theo cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng đã ký kết. Đối với chiếc xe máy Honda biển kiểm soát 23N1 – 108.97 của anh Hầu Mí P, hiện chị D đang quản lý, sử dụng, nay anh P yêu cầu được trả lại, chị D nhất trí trả nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho anh P, vì đây là tài sản riêng của anh P. Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D, anh P.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Vì Thị D về việc xin ly hôn với anh Hầu Mí P được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị D và anh Hầu Mí P tự nguyện chung sống với nhau và làm thủ tục cưới hỏi từ ngày 20/9/2020 (tại nhà gái), ngày 03/02/2021 (tại nhà trai); đến ngày 20/4/2021 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Má Lé, huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang. Do vậy, hôn nhân giữa chị Dính và anh Pó hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày, là do khi chị mang thai, anh P nghi ngờ không phải con anh nên bỏ bê, không chăm sóc chị. Sau khi sinh con, cả hai vợ chồng đi làm công nhân ở Bắc Ninh và Hải Phòng thì anh P cũng thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Anh P cho rằng mình vẫn chăm sóc vợ, không đánh đập chị D nhiều như chị trình bày. Anh chỉ thừa nhận có một lần tát chị D 02 cái do chị đi chơi tối không về. Ngoài ra, có lần do cãi nhau, chị D còn dùng dao ghè vào chân anh làm anh bị chảy máu. Như vậy, mặc dù lời trình bày của các bên là không thống nhất nhưng đã thể hiện hai vợ chồng có mâu thuẫn nhau, do không tin tưởng nhau nên đã xảy ra cãi nhau, thậm chí xảy ra bạo lực gia đình. Hai bên không thống nhất được nơi làm việc của vợ chồng dẫn tới bất đồng trong việc nuôi dạy con. Ngày 25/4/2023, anh P đón con từ nơi đang gửi nuôi cháu (bố mẹ chị D ở tỉnh Điện Biên) về Hà Giang, không được sự nhất trí của chị D. Hai bên gia đình nội ngoại đã dàn xếp nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, thậm chí xảy ra mâu thuẫn giữa hai gia đình, chị D bị đuổi khỏi nhà chồng. Hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó tới nay. Sau đó, ngày 19/7/2023, chị D lại đón con từ Hà Giang về ở với mình, không được sự nhất trí của anh P, gây xáo trộn đời sống tâm lý trẻ nhỏ. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Tuy nhiên, vợ chồng chị D, anh P đã không còn tin tưởng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, thậm chí xảy ra bạo lực gia đình; bất đồng quan điểm về nơi ở, nơi làm việc, quan điểm nuôi dạy con. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân của anh P, chị D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị D, anh P Chị Dính và anh Pó có 01 con chung là cháu Hầu Chí C (sinh ngày 29/6/2021). Khi ly hôn, chị Dính và anh Pó đều yêu cầu được nuôi cháu Hầu Chí C, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình Tòa án

xác minh tại địa phương xác định được trong quá trình chung sống chị D, anh P đều không ai có hành vi đánh đập, ngược đãi con chung; điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C của hai bên là như nhau. Tuy nhiên, cháu Hầu Chí C, sinh ngày 29/6/2021, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị D và anh P được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung dưới 36 tháng tuổi khi vợ chồng ly hôn, cần giao cháu Hầu Chí C cho chị Vì Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chị D không yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh P cấp dưỡng nuôi cháu Hầu Chí C. Anh P có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

[4]. Về tài sản chung: Theo ý kiến các bên thì xác định không có tài sản và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do anh P cung cấp, Hội đồng xét xử xác định chiếc xe máy Honda biển kiểm soát 23N1 – 108.97 là tài sản riêng của anh Hầu Mí P, cần buộc chị D trả lại cho anh Hầu Mí P sử dụng, quản lý.

[6]. Về công nợ: Quá trình giải quyết, anh P có đơn yêu cầu phản tố đề nghị chị D cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 50.000.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên ngày 10/8/2023 và tại phiên tòa hôm nay, anh P tự nhận có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, anh P phải có trách nhiệm tự trả khoản nợ đứng tên vay anh Hầu Mí P số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi kèm theo cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đồng Văn. Căn cứ ý kiến của Ngân hàng và anh P, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn giữa anh P và Ngân hàng; việc thay đổi thực hiện hợp đồng trả nợ do anh Hầu Mí P và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ, tỉnh Hà Giang tự thỏa thuận thực hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng.

[7]. Đối với yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chị D cùng có trách nhiệm sửa chữa chiếc xe máy biển kiểm soát: 23B1 – 027.76, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, xe đứng tên đăng ký của anh trai là Hầu Mí D1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn LS, xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, do tháng 11/2022, vợ chồng mượn xe của anh D1 đi đón con bị xe máy khác đâm vào đến nay chưa được sửa chữa. Xác định đây là yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 29/8/2023, anh Hầu Mí D1 có đơn yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa giải quyết buộc vợ chồng anh P, chị D phải có trách nhiệm trả số tiền 5.000.000 đồng. Yêu cầu của anh D1 đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi được giải thích, anh D1 xin rút đơn yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án này.

[8]. Đối với yêu cầu của anh P về việc yêu cầu gia đình bố mẹ chị D trả lại số tiền sinh lễ anh trai của anh P là anh Hầu Mí Gi đã chuyển khoản cho bố mẹ bên gia đình chị D với số tiền là 33. 000.000 đồng. Ngày 30/8/2023, anh Hầu Mí Gi có đơn yêu cầu độc lập. Quá trình xem xét đơn thấy rằng đối tượng

khởi kiện của anh Hậu Mí Gi là yêu cầu gia đình bố mẹ chị D trả lại số tiền sinh lễ là 33.000.000 đồng, do đó không thuộc trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; mặt khác yêu cầu của anh Gi đưa ra sau thời điểm Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu và thông báo cho anh Gi, vì vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[9] Về án phí: Chị Vì Thị D và anh Hậu Mí P được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Vì Thị D ly hôn với anh Hậu Mí P.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Hậu Chí C (sinh ngày 29/6/2021) cho chị Vì Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 19/9/2023 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

**3. Về tài sản, công nợ:**

**3.1. Về tài sản chung:** Các đương sự không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3.2. Về công nợ:** Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Hậu Mí P. Buộc anh Hậu Mí P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng (tiền gốc) và lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ mà anh P đã vay của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Đ (theo Sổ vay vốn mã KH: 7103598755, mã món vay: 6600000720063751, mang tên người vay Hò Mí P (nay đã cải chính thành Hậu Mí P). Tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn giữa anh P và Ngân hàng; việc thay đổi thực hiện hợp đồng trả nợ do anh Hậu Mí P và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch



huyện Đ, tỉnh Hà Giang tự thỏa thuận thực hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3.2. Về tài sản riêng: Chị Vì Thị D có trách nhiệm trả lại chiếc xe máy Honda biển kiểm soát 23N1 - 108.97 cho anh Hầu Mí P quản lý, sử dụng vì đây là tài sản riêng của anh P (Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy đứng tên Hồ Mí P)

**4. Về án phí:** Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị D; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Hầu Mí P.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**6. Điều kiện thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã ML, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**